TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/HS-PT.
Ngày: 25/4/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hữu;

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lâm Dạ Hằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22/4/2024 và 25/4/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 21/2024/TLPT-HS ngày 30/01/2024 đối với bị cáo Phạm Thanh L do có kháng cáo của bị cáo Phạm Thanh L; bị hại Trần Văn K, Trần Thị Thu S, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2023/HS-ST ngày 20/12/2023 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:* Phạm Thanh L; Sinh ngày: 03/01/1979; Nơi sinh: Tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: Số H, Khóm C, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Thanh D và bà Trần Thị L1; Có vợ là bà Nguyễn Thanh L2, sinh năm 1980 và 02 người con, người con lớn sinh năm 2010, người con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/12/2022 cho đến nay. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị báo:* Ông Trần Hồ N - luật sư của Công ty L4 và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh V; Địa chỉ trụ sở: Số A, đường N, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

- *Bị hại có kháng cáo:*

1. Bà Trần Thị Thu S; Sinh năm: 1971; Nơi cư trú: Số B, đường A, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; là chủ hộ kinh doanh cá thể S. (có mặt)

2. Ông Trần Văn K; Sinh năm: 1975; Nơi cư trú: Số B, đường T, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; là chủ Cơ sở T6. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị hại Trần Văn K: Ông Khưu Đức V; Sinh năm: 1967; Nơi cư trú: Số E, Tổ D, Khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ; theo Giấy ủy quyền lập ngày 09/4/2024. (có mặt)

3. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C1; Địa chỉ trụ sở: Khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C1: Bà Trần Thị Thu S; Sinh năm: 1971; Nơi cư trú: Số B, đường A, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Trần Thị Thu S và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C1*:

1. Ông Nguyễn Văn N1 - luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Phạm Nguyễn thuộc Đoàn luật sư thành phố C; Địa chỉ trụ sở: Số B, đường T, phường X, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

2. Ông Dương Đức D1 - luật sư Công ty L5 thuộc Đoàn luật sư thành phố H; Địa chỉ trụ sở: Tầng A, Số B, Ngõ B, phố T, phường T, quận C, thành phố Hà Nội. (có mặt)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Trần Văn K*: Ông Dương Đức T - luật sư Công ty L5 thuộc Đoàn luật sư thành phố H; Địa chỉ trụ sở: Tầng A, Số B, Ngõ B, phố T, phường T, quận C, thành phố Hà Nội. (có mặt)

- *Người làm chứng:* Ông Khưu Đức V; Sinh năm: 1967; Nơi cư trú: Số E, Tổ D, Khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc khoảng 09 giờ 30 phút ngày 29/01/2022, trên tuyến Quảng lộ P thuộc Khóm A, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, lực lượng tuần tra của Công an thị xã N tiến hành kiểm tra xe ô tô tải mang biển kiểm soát 64C - 096.80 do Phạm Thanh L điều khiển, phát hiện trong thùng xe ô tô tải có hàng hóa như sau: 30 bao, mỗi bao chứa 72 gói, trọng lượng 300g/gói, tổng số lượng là 2160 gói trà nhãn hiệu Long Bình (hương dứa và hương lài); 03 bao chứa 240 gói cà phê nhãn hiệu Sơn T1, loại 1, trọng lượng 500g/gói; 07 bao chứa 560 gói cà phê nhãn hiệu Sơn T1, loại 2, trọng lượng 500g/gói; 03 bao chứa 240 gói cà phê nhãn hiệu Sơn T1, loại 3, trọng lượng 500g/gói và 08 bao chứa 800 gói cà phê nhãn hiệu Tuấn Kiệt, loại 2, trọng lượng 500g/gói. Do L không xuất trình được hóa đơn, chứng minh nguồn gốc của các loại hàng hóa nên Công an thị xã N phối hợp với Công an P, thị xã N tiến hành lập biên bản vụ việc, tạm giữ hàng hóa và phương tiện xe ô tô tải mang biển kiểm soát 64C - 096.80 để điều tra, làm rõ. Tại Cơ quan điều

tra, L khai nhận như sau: Phạm Thanh L cùng vợ là bà Nguyễn Thanh L2 có Cơ sở sản xuất đóng gói trà, cà phê L, địa chỉ ở số D, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, do bà L2 đứng tên đăng ký kinh doanh. Trong quá trình L bán hàng hóa trà, cà phê nhãn hiệu Long Bình do chính cơ sở của L sản xuất, vào khoảng đầu năm 2021, L nhận được cuộc gọi điện thoại của người tên H (chưa rõ nhân thân, lai lịch) qua số điện thoại 0786.963.977 giới thiệu với L có bán cà phê Sơn T2 loại 1, là "hàng đạp", với giá 50.000 đồng/kg, rẻ hơn giá của Công ty C1 bán trên thị trường là 5.000 đồng/kg. L biết cà phê Sơn T2 mà H bán là hàng không có hóa đơn, chứng từ chứng minh về nguồn gốc và không phải do Công ty C1 bán trên thị trường. Nghe H nói vậy, thấy có lợi nhuận nên L đồng ý mua để bán lại kiếm lời. Sau đó, khi L đi bán trà, cà phê nhãn hiệu Long Bình ở các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau, L giới thiệu cho khách hàng biết về mặt hàng cà phê Sơn T2 loại 1, bán với giá là 55.000 đồng/kg thì khách hàng hỏi L thêm về mặt hàng cà phê Sơn T2 loại 2 và loại 3. Nên L trao đổi qua điện thoại hỏi H và H nói có bán cà phê Sơn T2 loại 2, loại 3 và nếu L lấy thì vẫn bán cho L bằng giá với cà phê Sơn T2 loại 1 là 50.000 đồng/kg. Sau đó, bị cáo L gọi điện đặt mua cà phê của H 03 lần cụ thể:

- Lần 01: Vào khoảng cuối tháng 02/2021, L gọi điện thoại đặt mua của H 560 gói cà phê Sơn T2 loại 1, loại 2, loại 3, với số lượng 07 bao, khối lượng 500g/gói, có tổng trọng lượng 280kg, với số tiền 14.000.000 đồng. H đồng ý và gửi cà phê như L đặt mua từ Thành phố Hồ Chí Minh về Phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long qua Chành xe của ông Dương Khải T3 (tên gọi khác: Ú) ở Khóm E, Phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Qua ngày sau, L nhận được đủ số lượng 07 bao cà phê đặt mua của H do nhân công của chành xe giao đến cơ sở và L trả tiền cho người giao hàng là 14.000.000 đồng để trả cho H. Sau đó 02 ngày cùng với chuyến đi bán hàng, L đã chở số lượng 07 bao cà phê Sơn T2 loại 1, loại 2, loại 3 đặt mua của H, có trọng lượng 280kg đến khu vực xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh bán cho người đàn ông tên C (không rõ nhân thân, lai lịch), với giá tiền là 55.000 đồng/kg, thu được số tiền là 15.400.000 đồng.

- Lần 02: Vào khoảng tháng 3/2021, L gọi điện thoại đặt mua của H 800 gói cà phê Sơn T2 loại 1, loại 2, loại 3, với số lượng 10 bao, khối lượng 500g/gói, có tổng trọng lượng 400kg, với số tiền là 20.000.000 đồng. H đồng ý và gửi cà phê như L đặt mua, ngày sau H gửi hàng cho L qua Chành xe của ông Dương Khải T3, khi L nhận được đủ số lượng 10 bao cà phê đặt mua của H do nhân công của chành xe giao, L trả tiền cho người giao hàng là 20.000.000 đồng để trả cho H. Sau đó 03 ngày cùng với chuyến đi bán hàng, thì L chở số lượng 10 bao cà phê Sơn T2 loại 1, loại 2, loại 3 đặt mua của H, có trọng lượng 400kg đến khu vực chợ C2 thuộc thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh bán cho người đàn ông tên T4 (không rõ nhân thân, lai lịch), với giá tiền là 55.000 đồng/kg, thu được số tiền là 22.000.000 đồng.

- Lần 03: Vào ngày 26/01/2022, L điện thoại đặt mua của H 21 bao cà phê nhãn hiệu Sơn T2 loại 1, loại 2, loại 3, H đồng ý và hẹn giao cà phê ở khu vực gần Đại lý xăng dầu K (Vòng xoay T) thuộc khóm V, phường T, thành phố V, tỉnh

Vĩnh Long. Đến khoảng 19 giờ ngày 27/01/2022, H điện thoại cho L đến giao cà phê như đã hẹn, sau đó L điều khiển xe ô tô tải mang biển kiểm soát 64C - 096.80 đến địa điểm như đã hẹn với H, thì thấy có xe tải và có 02 người thanh niên giao hàng, 02 người thanh niên đã chuyển qua xe của L với số lượng 21 bao cà phê đặt mua và L trả tiền cho họ là 42.000.000 đồng để trả cho H. Đến khoảng 07 giờ ngày 29/01/2022, L điều khiển xe chở 21 bao cà phê đã mua của H cùng với trà nhãn hiệu Long Bình đến khu vực thành phố C để bán. Khi đi trên tuyến Quảng lộ P đến khu vực Khóm A, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng thì bị lực lượng tuần tra của Công an thị xã N kiểm tra, bắt quả tang.

Tại Kết luận Giám định sở hữu công nghiệp số NH127-22TC.TP/ KLGĐ, ngày 14/4/2022 của V1 trí tuệ - Bộ K2 và Công nghệ kết luận như sau:

- Sản phẩm cà phê gắn dấu hiệu "SƠN T2 1 và hình" - như thể hiện tại Mẫu vật 1 - là hàng hóa giả mạo đối với Nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 88267 cho sản phẩm cà phê thuộc Nhóm 30 của hộ kinh doanh cá thể S1 (theo Điều 213.2 Luật SHTT).

- Sản phẩm cà phê gắn dấu hiệu "SƠN T2 2 và hình" - như thể hiện tại Mẫu vật 2 - là hàng hóa giả mạo đối với Nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 88267 cho sản phẩm cà phê thuộc Nhóm 30 của hộ kinh doanh cá thể S1 (theo Điều 213.2 Luật SHTT).

- Sản phẩm cà phê gắn dấu hiệu "SƠN T2 3 và hình" - như thể hiện tại Mẫu vật 3 - là hàng hóa giả mạo đối với Nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 88267 cho sản phẩm cà phê thuộc Nhóm 30 của hộ kinh doanh cá thể S1 (theo Điều 213.2 Luật SHTT).

- Trong trường hợp Cơ sở sản xuất, đóng gói trà, cà phê L hoặc ông/bà Phạm Thanh L không chứng minh được rằng sản phẩm bị xem xét là do các Chủ sở hữu Nhãn hiệu số 264976 hoặc người được Chủ sở hữu Nhãn hiệu đó cho phép, sản xuất và đưa ra thị trường, kết luận như sau: Sản phẩm cà phê gắn dấu hiệu "TUẤN K và hình" - như thể hiện tại Mẫu vật 4 - là hàng hóa giả mạo đối với Nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 264976 cho sản phẩm cà phê thuộc Nhóm 30 của Công ty TNHH S2 (theo Điều 213.2 Luật SHTT).

Tại Thông báo kết luận giám định số 00041/N3.22/TĐ ngày 28/4/2022 của Trung tâm K3 tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc T7 đo lường chất lượng - Bộ K2 và Công nghệ đối với chất lượng cà phê nhãn hiệu Sơn T2 loại 1, loại 2, loại 3; cà phê nhãn hiệu Tuấn Kiệt loại 2; Trà nhãn hiệu Long B Hương D2 và T5 nhãn hiệu Long Bình Hương L3, kết luận như sau:

- Mẫu giám định cà phê nhãn hiệu Sơn T2 loại 1 (mẫu M1); cà phê nhãn hiệu Sơn T2 loại 2 (mẫu M2), cà phê nhãn hiệu Sơn T2 loại 3 (mẫu M3), có kết quả các chỉ tiêu nêu tại mục 8.2a phù hợp với mức quy định nêu tại mục 7.1.

- Mẫu giám định cà phê nhãn hiệu Tuấn K loại 2 (mẫu M4), có kết quả chỉ tiêu nêu tại mục 8.2b phù hợp với mức quy định nêu tại mục 7.2.

- Mẫu giám định trà nhãn hiệu Long B hương lài (mẫu M5); trà nhãn hiệu Long B hương dứa (mẫu M6), có kết quả các chỉ tiêu nêu tại mục 8.2c phù hợp với mức quy định nêu tại mục 7.3.

Tại Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐG ngày 14/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng kết luận:

- 240 gói cà phê hỗn hợp nhãn hiệu Sơn T2, loại 1, trọng lượng 500g/gói. Tổng trọng lượng 120kg, có giá trị 120 kg x 68.000 đồng = 8.160.000 đồng.

- 560 gói cà phê hỗn hợp nhãn hiệu Sơn T2, loại 2, trọng lượng 500g/gói. Tổng trọng lượng 280kg, có giá trị 280 kg x 74.000 đồng = 20.720.000 đồng.

- 240 gói cà phê hỗn hợp nhãn hiệu Sơn T2, loại 3, trọng lượng 500g/gói. Tổng trọng lượng 120kg, có giá trị 120 kg x 84.000 đồng = 10.080.000 đồng.

- 800 gói cà phê hỗn hợp nhãn hiệu Tuấn K, loại 2, trọng lượng 500g/gói. Tổng trọng lượng 400kg, có giá trị 400 kg x 75.000 đồng = 30.000.000 đồng.

Tổng giá trị của tài sản trong vụ "Sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm" phát hiện ngày 29/01/2022 với số tiền là 68.960.000 đồng.

Căn cứ điểm 2 mục XIII của Phụ lục III về Danh mục các sản phẩm thực phẩm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm thì sản phẩm cà phê bột là thực phẩm.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2023/HS-ST ngày 20/12/2023 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 193; điểm b, điểm r, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 3 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thanh L phạm tội "Buôn bán hàng giả là thực phẩm".

- Xử phạt bị cáo Phạm Thanh L 09 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Tách phần trách nhiệm bồi thường thiệt hại của các bị hại để giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

* Ngày 01/01/2024, bị hại Trần Văn K là chủ hộ kinh doanh cơ sở T6 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tăng hình phạt đối với bị cáo Phạm Thanh L.

* Ngày 02/01/2024, bị cáo Phạm Thanh L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

* Ngày 02/01/2024, bị hại Trần Thị Thu S là chủ hộ kinh doanh Sơn T2 và bị hại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Phạm Thanh L, tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung theo khung hình phạt được quy định tại điểm b, điểm g khoản 2 Điều 193 của Bộ luật Hình sự và yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần do vi phạm về sở hữu trí tuệ với số tiền 50.000.000 đồng. Tại Bản trình bày lý do kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C1 lập ngày 23/02/2024 thể hiện thay đổi nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với lý do cần xác minh làm rõ các tình tiết của vụ án và giám định lại chất lượng hàng hóa vi phạm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Phạm Thanh L giữ nguyên nội dung kháng cáo xin hưởng án treo.

- Bị hại Trần Thị Thu S là chủ hộ kinh doanh Sơn T2 và là người đại diện hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C1; ông Khưu Đức V là người đại diện hợp pháp của bị hại Trần Văn K thay đổi yêu cầu kháng cáo của các bị hại và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo Phạm Thanh L phạm tội "Buôn bán hàng giả là thực phẩm" theo quy định tại khoản 1 Điều 193 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, điểm r, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định pháp luật. Xét cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt và xử phạt bị cáo L mức án 09 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Xét trong vụ án này bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, mặc dù khi bị bắt quả tang thì bị cáo đã tự thú hai lần phạm tội trước đó nhưng bị cáo các lần phạm tội của bị cáo là phạm tội nghiêm trọng nên thuộc trường hợp không được hưởng án treo theo hướng dẫn tại khoản 5 Điều 3 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022) của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Đối với kháng cáo của các bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại do vi phạm tố tụng là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo L và không chấp nhận kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến của ông Trần Hồ N là người bào chữa cho bị cáo Phạm Thanh L: Thống nhất về tội danh, khung hình phạt, điều luật áp dụng đối với bị cáo L mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng. Đối với việc áp dụng tình tiết tăng nặng trách

nhiệm hình sự đối với bị cáo là phạm tội hai lần trở lên là do bị cáo tự thú về hai lần phạm tội trước đây nhưng Cơ quan điều tra chưa làm rõ được vấn đề này, không chứng minh được hai lần phạm tội trước theo lời khai của bị cáo L nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo L và áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), chấp nhận kháng cáo của bị cáo L, cho bị cáo được hưởng án treo.

- Ý kiến của ông Nguyễn Văn N1 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Trần Thị Thu S và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C1: Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo L vì các lần phạm tội của bị cáo L đều là tội phạm nghiêm trọng và có một lần phạm tội bị bắt quả tang nên không đủ điều kiện áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đồng thời, mức hình phạt 09 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là quá nhẹ. Trong vụ án này, bị cáo không thành khẩn khai báo, mà bị cáo chỉ khai nhận những vấn đề Cơ quan điều tra, bị hại chứng minh được, bên cạnh đó áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bồi thường thiệt hại nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên trả số tiền bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N là mâu thuẫn. Mặc dù, tại phiên tòa phúc thẩm bị hại đã rút lại yêu cầu bồi thường thiệt hại nhưng bị cáo L đồng ý bồi thường thiệt hại về tinh thần cho bị hại nên Hội đồng xét xử phúc thẩm cần ghi nhận trong trường hợp không hủy bản án sơ thẩm.

- Ý kiến của ông Dương Đức D1 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Trần Thị Thu S và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C1: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung thay đổi kháng cáo của các bị hại và xem xét hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại. Trong quá trình điều tra vụ án này, Cơ quan điều tra đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng từ khi giải quyết tố giác của ông Khưu Đức V; Cơ quan điều tra tạm giữ, niêm phong, mở niêm phong cà phê vi phạm chỉ có Cơ quan điều tra và bị cáo L mà không có sự chứng kiến của đại diện tổ chức, cá nhân có liên quan là các bị hại là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, dẫn đến việc giám định chất lượng cà phê không đúng; việc giám định chất lượng cà phê tại Trung tâm K3 là không khách quan vì không có biên bản mở niêm phong và việc giám định cà phê giả và chất lượng cà phê ở hai nơi khác nhau là không khách quan nên cần giám định lại chất lượng cà phê; định giá cà phê vi phạm không có mặt bị hại là bà S; quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không hỏi ông V về lý do phát hiện vi phạm của bị cáo L; Cơ quan điều tra thu giữ điện thoại Iphone của bị cáo L nhưng sau đó trả ngay là không đúng, chưa làm rõ đây có phải là phương tiện phạm tội hay không; Cơ quan điều tra chưa xác minh, làm rõ về máy móc làm cà phê, dập bao bì tại nhà của bị cáo L và hàng hóa trong kho của nhà L có cùng loại với cà phê giả mà L bị bắt ngày 29/01/2022 hay không; Cơ quan điều tra chưa đề nghị Cục A-Bộ C3 làm rõ tin nhắn của L qua các

nền tảng Viber, M để xác định quá trình phạm tội của bị cáo; Cơ quan điều tra chưa thực hiện sao kê tài khoản ngân hàng của bị cáo L và Cơ sở L6 để làm rõ vụ án. Bên cạnh đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo L có ba lần phạm tội nhưng không cộng dồn giá trị hàng hóa ba lần phạm tội để xử lý trách nhiệm hình sự của L là không đúng; xác định bị cáo tự thú và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là không đúng. Từ những cơ sở trên cho thấy kết quả giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm là không khách quan nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

- Ý kiến của ông Dương Đức T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Trần Văn K: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, kết luận bị cáo L về tội "Buôn bán hàng giả là thực phẩm" theo quy định tại khoản 1 Điều 193 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt đối với bị cáo L là chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo; áp dụng tình tiết tự thú là không đúng vì bị cáo bị bắt quả tang, sau đó mới khai nhận nên chỉ là đầu thú; cấp sơ thẩm xác định bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là không có căn cứ vì bị cáo không khai báo đầy đủ hành vi phạm tội xảy ra tại Vĩnh Long, bị cáo khai báo quanh co làm kéo dài thời gian điều tra vụ án. Đồng thời, cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là không có căn cứ, vì bị cáo chỉ nộp số tiền là 15.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại, chiếm tỷ lệ rất thấp so với thiệt hại của bị hại. Trong vụ án này, chưa điều tra làm sáng tỏ lời khai của bị cáo, mâu thuẫn nhau và các tài liệu, chứng cứ khác trong vụ án. Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội hai lần trở lên nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử dưới khung hình phạt là không tương xứng với mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo. Từ những cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại Trần Văn K vắng mặt nhưng người đại diện hợp pháp là ông Khưu Đức V có mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Thanh L lập và gửi đến Tòa án cấp sơ thẩm qua đường dịch vụ bưu chính vào ngày 02/01/2024; Đơn kháng cáo của bị hại Trần Văn K lập và gửi đến Tòa án cấp sơ thẩm qua đường dịch vụ bưu chính vào ngày 01/01/2024; Đơn kháng cáo của bị hại Trần Thị Thu S và Công ty trách nhiệm

hữu hạn một thành viên C1 lập ngày 02/01/2024 và nộp trực tiếp cho Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 03/01/2024 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Tại Bản trình bày lý do kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C1 lập ngày 23/02/2024 và tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị hại thay đổi nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với lý do cần xác minh làm rõ các tình tiết của vụ án và giám định lại chất lượng hàng hóa vi phạm. Xét việc thay đổi nội dung kháng cáo của các bị hại chủ yếu liên quan đến hoạt động tố tụng của Cơ quan điều tra nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), chấp nhận việc thay đổi nội dung kháng cáo của các bị hại. Do đó, căn cứ vào Điều 345 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo L và nội dung kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại của các bị hại theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Thanh L: Tại đơn kháng cáo, bị cáo cho rằng quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm bị cáo có khai về hai lần phạm tội trước là không đúng sự thật, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L thừa nhận các lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và thừa nhận có 02 lần buôn bán hàng giả, trước lần bị bắt quả tang. Xét lời khai của bị cáo L là phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định, định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập được. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đầy đủ cơ sở xác định nội dung vụ án như sau: Phạm Thanh L cùng vợ là bà Nguyễn Thanh L2 có Cơ sở sản xuất đóng gói trà, cà phê L do bà L2 đứng tên đăng ký kinh doanh. Vào khoảng đầu năm 2021, L được H (không rõ nhân thân, lai lịch) liên hệ và giới thiệu qua điện thoại là H có bán cà phê Sơn T2 loại 1, loại 2, loại 3 với giá 50.000 đồng/kg, rẻ hơn giá của Công ty C1 bán trên thị trường là 5.000 đồng/kg. L biết cà phê có nhãn hiệu Sơn T2 mà H bán là hàng không có hóa đơn, chứng từ chứng minh về nguồn gốc và không phải do Công ty C1 bán trên thị trường nhưng vì muốn có lợi nhuận bất hợp pháp mà L đã mua cà phê của H để bán lại 03 lần. Lần 1, vào khoảng cuối tháng 02/2021, L gọi điện thoại đặt mua của H 560 gói cà phê Sơn T2 loại 1, loại 2, loại 3, với số lượng 07 bao, khối lượng 500g/gói, có tổng trọng lượng 280kg, với số tiền 14.000.000 đồng, H giao hàng qua Chành xe của ông Dương Khải T3 và L đã bán lại cho ông C (không rõ nhân thân, lai lịch) ở khu vực xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh với giá tiền là 55.000 đồng/kg, thu được số tiền là 15.400.000 đồng. Lần 02, vào khoảng tháng 3/2021, L gọi điện thoại đặt mua của H 800 gói cà phê Sơn T2 loại 1, loại 2, loại 3, với số lượng 10 bao, khối lượng 500g/gói, có tổng trọng lượng 400kg, với số tiền là 20.000.000 đồng, H giao hàng qua Chành xe của ông Dương Khải T3 và L đã bán lại cho ông T4 (không rõ nhân thân, lai lịch) ở khu vực chợ C2 thuộc thị trấn C, huyện C, tỉnh

Trà Vinh với giá tiền là 55.000 đồng/kg, thu được số tiền là 22.000.000 đồng. Lần 03, vào ngày 26/01/2022, L điện thoại đặt mua của H 21 bao cà phê nhãn hiệu Sơn T2 loại 1, loại 2, loại 3, với tổng số tiền là 42.000.000 đồng. Đến khoảng 19 giờ ngày 27/01/2022, H cho người giao hàng cho L tại khu vực gần Đại lý xăng dầu K (V xoay T) thuộc khóm V, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Đến khoảng 07 giờ ngày 29/01/2022, L điều khiển xe ô tô tải mang biển kiểm soát 64C - 096.80 chở 21 bao cà phê đã mua của H cùng với trà nhãn hiệu Long B đến khu vực thành phố C để bán. Khi đi trên tuyến Quảng lộ P đến khu vực Khóm A, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng thì bị lực lượng tuần tra của Công an thị xã N kiểm tra, bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật phạm pháp gồm 03 bao chứa 240 gói cà phê nhãn hiệu Sơn T2, loại 1, trọng lượng 500g/gói; 07 bao chứa 560 gói cà phê nhãn hiệu Sơn T2, loại 2, trọng lượng 500g/gói; 03 bao chứa 240 gói cà phê nhãn hiệu Sơn T2, loại 3, trọng lượng 500g/gói và 08 bao chứa 800 gói cà phê nhãn hiệu Tuấn K, loại 2, trọng lượng 500g/gói. Theo kết luận luận giám định, sản phẩm cà phê gắn dấu hiệu "SƠN T2 1 và hình" - như thể hiện tại Mẫu vật 1 - là hàng hóa giả mạo đối với Nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 88267 cho sản phẩm cà phê thuộc Nhóm 30 của hộ kinh doanh cá thể S1 (theo Điều 213.2 Luật SHTT); sản phẩm cà phê gắn dấu hiệu "SƠN T2 2 và hình" - như thể hiện tại Mẫu vật 2 - là hàng hóa giả mạo đối với Nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 88267 cho sản phẩm cà phê thuộc Nhóm 30 của hộ kinh doanh cá thể S1 (theo Điều 213.2 Luật SHTT); sản phẩm cà phê gắn dấu hiệu "SƠN T2 3 và hình" - như thể hiện tại Mẫu vật 3 - là hàng hóa giả mạo đối với Nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 88267 cho sản phẩm cà phê thuộc Nhóm 30 của hộ kinh doanh cá thể S1 (theo Điều 213.2 Luật SHTT); Trong trường hợp Cơ sở sản xuất, đóng gói trà, cà phê L hoặc ông/bà Phạm Thanh L không chứng minh được rằng sản phẩm bị xem xét là do các Chủ sở hữu Nhãn hiệu số 264976 hoặc người được Chủ sở hữu Nhãn hiệu đó cho phép, sản xuất và đưa ra thị trường, kết luận như sau: Sản phẩm cà phê gắn dấu hiệu "TUẤN K và hình" - như thể hiện tại Mẫu vật 4 - là hàng hóa giả mạo đối với Nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 264976 cho sản phẩm cà phê thuộc Nhóm 30 của Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 (theo Điều 213.2 Luật SHTT). Theo kết luận định giá tài sản, tổng giá trị của tài sản trong vụ "Sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm" phát hiện ngày 29/01/2022 với số tiền là 68.960.000 đồng và sản phẩm cà phê bột là thực phẩm.

[4] Xét bị cáo Phạm Thanh L là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vào ngày 29/01/2022, bị cáo L bị bắt quả tang về hành vi vận chuyển để buôn bán 1.840 gói cà phê bột các loại có tổng trọng lượng 920 kg là hàng giả nhãn hiệu hàng hóa của Hộ kinh doanh cá thể Sơn Tùng, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C1 và Cơ sở T6 (là đơn vị được Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 ủy quyền sử dụng thương hiệu) có tổng giá trị tương đương hàng thật là 68.960.000 đồng. Đồng thời, bị cáo L có hai lần phạm tội buôn bán hàng giả là thực phẩm vào tháng 02/2021 và tháng 3/2021 nhưng do Cơ quan điều tra không thu giữ được vật phạm pháp nên không có căn cứ định giá tài sản, để xác định cụ thể giá trị hàng hóa vi phạm của hai lần phạm tội này. Do đó, Hội đồng xét xử sơ

thẩm kết luận bị cáo Phạm Thanh L phạm tội "Buôn bán hàng giả là thực phẩm" theo quy định tại khoản 1 Điều 193 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại yêu cầu phải cộng dồn giá trị hàng hóa vi phạm của ba lần phạm tội của bị cáo để xác định trách nhiệm hình sự của bị cáo là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[5] Về kháng cáo của các bị hại và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, về việc yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại với lý do Cơ quan điều tra vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cần xác minh làm rõ các tình tiết của vụ án, giám định lại chất lượng hàng hóa vi phạm: Bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại xác định cần điều tra lại làm để làm rõ vụ án và Cơ quan điều tra đã vi phạm nghiêm trọng tố tụng là khi giải quyết tố giác của ông Khưu Đức V; thủ tục tạm giữ, niêm phong, mở niêm phong cà phê vi phạm chỉ có mặt đại diện Cơ quan điều tra và bị cáo L mà không có sự chứng kiến của đại diện tổ chức, cá nhân có liên quan là các bị hại là vi phạm dẫn đến việc giám định chất lượng cà phê không đúng; việc giám định chất lượng cà phê tại Trung tâm K3 chất lượng 3 là không khách quan vì không có biên bản mở niêm phong và việc giám định cà phê giả và chất lượng cà phê ở hai nơi khác nhau là không khách quan nên cần giám định lại chất lượng cà phê; định giá cà phê vi phạm không có mặt bị hại là bà S; không hỏi ông Khưu Đức V về lý do phát hiện vi phạm của bị cáo L; thu giữ điện thoại Iphone của bị cáo L nhưng sau đó trả ngay là không đúng, chưa làm rõ đây có phải là phương tiện phạm tội hay không; chưa xác minh, làm rõ về máy móc làm cà phê, dập bao bì tại nhà của bị cáo L và hàng hóa trong kho của nhà L có cùng loại với cà phê giả mà L bị bắt ngày 29/01/2022 hay không; chưa đề nghị Cục An ninh mạng-Bộ C3 làm rõ tin nhắn của L qua các nền tảng Viber, M để xác định quá trình phạm tội của bị cáo; chưa thực hiện sao kê tài khoản ngân hàng của bị cáo L và Cơ sở L6 để làm rõ vụ án, là không có căn cứ. Bởi vì, Công an thị xã N đã lập biên bản tiếp nhận tin báo của ông Khưu Đức V vào ngày 29/01/2022 (bút lục số 01), khi thực hiện kiểm tra phát hiện Phạm Thanh L có dấu hiệu vi phạm vận chuyển, buôn bán hàng hóa giả mạo, không rõ nguồn gốc thì Công an thị xã N đã lập biên bản vi phạm và niêm phong tạm giữ, hàng hóa, phương tiện (bút lục số 02-03); đến ngày 15/02/2022, Cơ quan điều tra đã tiếp nhận, đưa vào hồ sơ vụ án Đơn tố giác tội phạm kinh tế lập ngày 15/02/2022 của bà Trần Thị Thu S là người đại diện của Cơ sở Cà phê S3 (bút lục 05-06) và đến ngày 18/02/2022, Cơ quan điều tra đã phân công Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên tiến hành giải quyết nguồn tin về tội phạm và Cơ quan điều tra ban hành quyết định trưng cầu giám định theo quy định; Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã N đã thực hiện thủ tục tạm giữ, niêm phong, mở niêm phong cà phê vi phạm dưới sự chứng kiến của Cơ quan điều tra và Phạm Thanh L là người vi phạm mà không bắt buộc phải có mặt đại diện tổ chức, cá nhân có liên quan là phù hợp quy định tại các điều 6 và 7 của Nghị định số 127/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định chi tiết việc niêm phong, mở niêm phong vật chứng; Cơ quan điều tra và Trung tâm K3 chất lượng 3 đã tiến hành mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định (bút lục số 157);

việc Cơ quan điều tra trưng cầu giám định cà phê giả nhãn hiệu và chất lượng cà phê ở hai tổ chức khác nhau là phù hợp chức năng của các tổ chức này; các bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cho rằng kết luận giám định của Trung tâm K3 chất lượng 3 không khách quan, không chính xác nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh kết luận giám định lần đầu không chính xác nên không có căn cứ để trưng cầu giám định lại theo quy định tại Điều 211 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Đồng thời, trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thực hiện các hoạt động điều tra cần thiết theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự, kể cả phối hợp với Cơ quan Cảnh sát Điều tra huyện L, tỉnh Vĩnh Long (bút lục số 428-502) và Cơ quan Cảnh sát Điều tra thành phố C, tỉnh Cà Mau (bút lục số 503-509) để điều tra, xác minh làm rõ nội dung vụ án; việc Cơ quan điều tra giao trả các tài sản thu giữ cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật. Như vậy, các bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cho rằng cần phải hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[6] Về kháng cáo của bị cáo L, về việc xin hưởng án treo: Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo L cho rằng không đủ căn cứ xác định bị cáo L phạm tội hai lần trở lên là không có cơ sở, bởi vì hai lần phạm tội vào tháng 02/2021 và tháng 3/2021, trước khi bị cáo bị bắt quả tang được bị cáo tự nguyện khai báo trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử, phù hợp với kết luận giám định về cà phê giả nhãn hiệu hàng hóa của lần phạm tội bị bắt quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, mặc dù Cơ quan điều tra không thu giữ được vật phạm pháp nên không có căn cứ định giá tài sản, để xác định cụ thể giá trị hàng hóa vi phạm của hai lần phạm tội do bị cáo tự thú nhưng hoàn toàn đủ cơ sở xác định bị cáo L có ba lần phạm tội buôn bán hàng giả là thực thẩm nên Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cho rằng không đủ căn cứ để áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm r, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là không có cơ sở. Bởi vì, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 15.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N để bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại là đủ điều kiện được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), việc Tòa án cấp sơ thẩm trả lại số tiền này cho bị cáo là do giữa bị cáo và bị hại không thỏa thuận được toàn bộ việc bồi thường thiệt hại và phải tách phần dân sự giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự vì bị hại chưa đủ điều kiện chứng minh. Trong vụ án này, sau khi bị bắt quả tang vào ngày 29/01/2022, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo L đã tự khai báo về hai lần phạm tội trước đó nên bị cáo đủ điều kiện được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tự thú theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bên cạnh đó, trong vụ án này bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện và ăn năn hối

cải về hành vi phạm tội của mình thể hiện ở việc bị cáo tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 3.400.000 đồng nên bị cáo đủ điều kiện được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo không có tiền án, tiền sự, bị cáo là quân nhân xuất ngũ và áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Từ đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định hình phạt và xử phạt bị cáo L mức án 09 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được áp dụng. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào đáng lẽ bị cáo được áp dụng mà Hội đồng xét xử sơ thẩm chưa áp dụng đối với bị cáo L.

[7] Xét trong vụ án này, bị cáo L buôn bán hàng giả là thực phẩm gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, cũng như sức khỏe của người tiêu dùng, các lần phạm tội đều là tội phạm nghiêm trọng và có 01 lần phạm tội quả tang nên thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo hướng dẫn tại Điều 3 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022) của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo L.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại Trần Thị Thu S (đồng thời là người đại diện hợp pháp của bị hại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C1) không yêu cầu giải quyết về bồi thường thiệt hại, đề nghị giải quyết bằng vụ án khác và giữa bị cáo và bị hại không thỏa thuận được về việc bồi thường tất cả các khoản thiệt hại. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, về việc ghi nhận ý chí của bị cáo đồng ý bồi thường khoản tổn thất tinh thần cho các bị hại Trần Thị Thu S, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C1 với số tiền là 50.000.000 đồng cho mỗi bị hại.

[9] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo, không chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và các bị hại. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[10] Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021); điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng; các bị hại không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[11] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thanh L, về việc xin hưởng án treo.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Thị Thu S là chủ hộ kinh doanh cá thể Sơn Tùng, bị hại Trần Văn K là chủ Cơ sở Tuấn K1 và bị hại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C1, về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Giữ nguyên quyết định về hình sự của Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2023/HS-ST ngày 20/12/2023 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 193; điểm g khoản 1 Điều 51; điểm b, điểm r, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh L 09 (chín) tháng tù về tội "Buôn bán hàng giả là thực phẩm", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tự nguyện đi chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021); điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử buộc bị cáo Phạm Thanh L chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

- Bị hại Trần Thị Thu S là chủ hộ kinh doanh cá thể Sơn Tùng, bị hại Trần Văn K là chủ Cơ sở Tuấn K1 và bị hại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Trả lại cho bị hại Trần Thị Thu S là chủ hộ kinh doanh cá thể Sơn T2 và bị hại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C1 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, mỗi bị hại là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0002514, 0002515 ngày 05/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

4. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT 1-TAND tối cao (01);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND Tx. N (02);
- VKSND Tx. N (01);
- CQĐT-Công an Tx. N (01);
- CQTHAHS-Công an Tx. N (01);
- Chi cục THADS Tx. N (01);
- Bị cáo (01);
- Người bào chữa cho bị cáo (01);
- Các bị hại (03);
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại (03);
- P.KTNV&THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, THS (04);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Vũ